



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



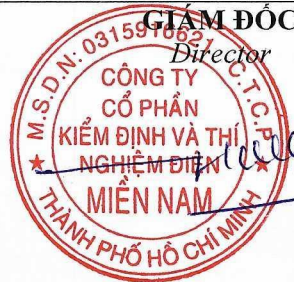
ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 2146/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 18/07/2025 Trang/ Page: 1/2
---------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: Customer:	CÔNG TY CỔ PHẦN TECH SOUTH
2. Dự án: Project:	Kiểm tra điện năng tủ điện phân phối hạ thế Low voltage switchgear testing
3. Địa chỉ kiểm tra: Place of testing:	CN Công Ty CP Công Nghiệp Tung Kuang - Nhơn Trạch - Đường 25B, Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch I, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
4. Đối tượng kiểm tra: Type of testing:	Tủ phân phối hạ thế. Low voltage switchgear.
5. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: Quantity/Installation location:	01 Tủ điện / Trạm Biến Áp 2500kVA (Trạm 3) 01 Electrical cabinet/ 2500kVA Substation (Station 3)
6. Phương pháp kiểm tra: Method of testing:	- Tham khảo ETSC/TN/QT-27; QCVN QTĐ-5: 2009/BCT; TCVN4255: 2008; TCVN7994-1: 2009; TCVN 6615-2-4 : 2013; IEC 868; thông tư 39/2022/TT-BCT của Bộ Công Thương; thông tư 30/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương; thông tư 05/2025/TT-BCT của Bộ Công Thương. - Theo yêu cầu của khách hàng
7. Thời gian thực hiện: Inspection Date:	15/07/2025
8. Thông số kỹ thuật: Specification:	Loại/ Type: MSB
	Số quản lý/ Serial No: MP#1 PANEL
	Nhà sản xuất/ Manufacture: Không rõ/ NA
	Năm sản xuất/ Date of manufacture: Không rõ/ NA
	Kích thước/ Size: Không rõ/ NA
	Công dụng/ Function: Tủ Điện Phân Phối Tổng 4000A
9. Phương tiện kiểm tra: Testing equipment	Kyoritsu 3125A; Metrel MI2892.
10. Điều kiện môi trường: Environmental conditions:	(32 ± 2) °C ; (60 ± 5) % RH
11. Kết quả kiểm tra: Testing result:	Xem trang sau See next page
12. Tem kiểm tra: Testing stamp No:	/
13. Kết luận: Conclusion:	Sóng hài dòng điện cao, hệ số công suất thấp. High current harmonics, Low Power factor.

Người Thực Hiện
Executor

Đoàn Nguyễn Huy Thắng



Nguyễn Quốc Hoàn

Ban hành lần 2



TN/QT-C/M061

- Phòng Kiểm định và Thí nghiệm điện đã được AOSC công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (VLAT-1.0757);
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận, hoặc do khách hàng yêu cầu, các chỉ tiêu (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo thông tin khách hàng cung cấp;
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của ETSC.



Số/ No: 2146/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 18/07/2025 Trang/ Page: 2/2
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 11 trang 1

Content of measured results 11 page 1

- Lưu ý: Phép đo được thực hiện khi các Inverter chưa được kích hoạt

Note: The Measurement is made when the Inverters are not activated.

Note: The measurement is made when the inverters are not activated.

Stt No	Đo các thông số <i>Measure the parameters</i>		Pha A <i>Phase A</i>	Pha B <i>Phase B</i>	Pha C <i>Phase C</i>	Yêu Cầu <i>Request</i>	Kết quả <i>Result</i>
1	Điện áp vận hành/ <i>Operating voltage</i>		234,8	234,3	234,9	209÷242V	Đạt/ <i>Pass</i>
2	Tần số vận hành/ <i>Operating frequency</i>		50,167			49÷51 Hz	Đạt/ <i>Pass</i>
3	Xâm nhập của dòng điện một chiều/ <i>Penetration of direct current</i>		/	/	/	%I _{dc} ≤ 0,5%	/
4	Sóng hài của điện áp/ <i>Harmonics of voltage</i>	Tổng/ <i>Total</i> (THD)	2,40	2,50	2,51	THD ≤ 8%	Đạt/ <i>Pass</i>
		Bậc 3 <i>Level 3</i>	0,19	0,03	0,18	H(3) ≤ 5%	Đạt/ <i>Pass</i>
		Bậc 5 <i>Level 5</i>	2,24	2,40	2,25	H(5) ≤ 5%	Đạt/ <i>Pass</i>
		Bậc 7 <i>Level 7</i>	0,14	0,36	0,29	H(7) ≤ 5%	Đạt/ <i>Pass</i>
5	Sóng hài của dòng điện/ <i>Harmonics of currents</i>	Tổng/ <i>Total</i> (TDD)	9,26	8,32	6,07	TDD ≤ 5%	Không đạt/ <i>Failed</i>
		Bậc 3 <i>Level 3</i>	6,69	3,73	3,10	H(3) ≤ 4%	Không đạt/ <i>Failed</i>
		Bậc 5 <i>Level 5</i>	4,06	5,83	3,79	H(5) ≤ 4%	Không đạt/ <i>Failed</i>
		Bậc 7 <i>Level 7</i>	2,54	4,20	1,44	H(7) ≤ 4%	Không đạt/ <i>Failed</i>
6	Nhấp nháy điện áp/ <i>Flashing voltage</i>	P _{st}	0,169	0,178	0,177	P _{st} ≤ 1	Đạt/ <i>Pass</i>
		P _{lt}	0,175	0,180	0,180	P _{lt} ≤ 0,8	Đạt/ <i>Pass</i>
7	Thành phần thứ tự nghịch của điện áp pha/ <i>Inverse sequence voltage component</i>		0,01			%V _{neg} ≤ 5%	Đạt/ <i>Pass</i>
8	Hệ số Công suất/ <i>Power factor</i>		0,89	0,84	0,89	PF ≥ 0,98	Không đạt/ <i>Failed</i>
9	Nối đất/ <i>Grounding</i>		Tiếp đất trực tiếp/ <i>Ground directly</i>				